

## PHẨM THỨ MƯỜI BA: “AN LẠC HẠNH”

Trong phẩm này nêu lên Bồ-tát hoàng truyền kinh phải có đủ bốn hạnh tức là khả năng lìa nguy được an, xa khổ được vui, cho nên kinh gia mới lấy đây làm đề mục của phẩm. Ở trước giải thích rằng đoạn thứ tư “riêng lưu thông kinh” với nghĩa khai mở ba thừa và hiển bày một thừa tự có bốn phẩm nhưng chỉ phán quyết làm ba đoạn:

1. Hai phẩm Pháp sư và Hiện bảo Tháp trước hết nêu ra công sâu dày của người lưu thông kinh phần quả báo của người thọ trì đồng thời cũng nêu lên việc khiến tìm người lưu thông kinh.

2. Phẩm Trì tức nêu lên đồ chúng có đầy đủ phước thiện đối trước Phật phát nguyện nhận lấy sứ mạng lưu thông kinh. Tất cả đều không hề tiếc thân mạng để lưu truyền đạo vô thượng. Nhưng trong phẩm Trì có nói đời vị lai khi lưu thông kinh lo lắng gặp phải người xấu ác hủy báng xúc phạm thân mình. Tức đây là các Bồ-tát hạ phẩm vốn muốn phát nguyện lưu thông kinh, do gặp đời ác có nhiều hiểm nạn nên mới khởi tâm thối chuyển và ý khiếm nhược trong việc lưu thông kinh.

3. Phẩm này nêu lên đức Như Lai dùng hạnh an lạc để tiếp sức cho người hạ phẩm bị thoái lui khi lưu thông kinh. Đây muốn nói nếu người có đầy đủ bốn hạnh này thì thiên ma không thể quấy nhiễu. Liên ở trong đời ác trước dù có mất thân mạng cũng quyết chí hóa độ người. Vậy tức là hạng người hạ phẩm này nhờ vào hạnh đó mà khởi tâm hoằng hóa kinh và ý độ người. Ở trước lại giải thích trong ba đoạn này thì đoạn trước và đoạn sau mỗi đoạn được phân làm hai phần. Riêng đoạn giữa tự có năm phần riêng biệt. Nay trong đây tự có hai phần: Văn Thù Sư Lợi hỏi và Như lai đáp. Phần Văn Thù hỏi lại có hai đoạn: 1. Trước hết khen ngợi người có khả năng lưu thông kinh; 2. Từ “Thế Tôn!” trở xuống chính là nêu ra câu hỏi. “Phật bảo” trở xuống là phần thứ hai của phẩm nêu lên lời đáp của Như lai.

Xét trong đây tự có bốn đoạn: 1. Nêu lên bốn hạnh; 2. “Một là an trụ” trở xuống tức nêu ra thể của bốn hạnh; 3. “Sau khi ta diệt độ” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tổng quát khuyến khích tu tập bốn hạnh này; 4. Tiếp đến cuối phẩm có hai mươi một hàng rưỡi kệ thông suốt nói rõ bốn hạnh đạt được tướng quả an lạc.

Sự giải thích nghĩa của bốn hạnh an lạc vốn có bốn phần: 1. Nêu ra thể; 2. Nêu lên công đức và trí tuệ làm hạnh; 3. Nêu ra tự hành và giáo hóa tha nhưn làm hạnh; 4. Nêu ra địa vị của bốn hạnh ấy.

Nêu ra thể cũng có bốn phần: 1. Bốn hạnh an lạc lấy trí tuệ làm

thể; 2. Lấy sự thuyết pháp làm thể; 3. Lấy sự lia tội lỗi làm thể; 4. Lấy tâm từ bi làm thể. Nêu ra công đức và trí tuệ làm hạnh cũng có bốn phần: 1. Đồng với trí tuệ ấy, muốn Trí ở nơi việc nói pháp; 2. Cũng là trí tuệ; 3, 4. Đồng là công đức nên trong môn trí tuệ xuất ra nói pháp và trong môn công đức xuất ra từ bi cho nên có bốn hạnh. Nêu ra tự hành và giáo hóa tha như chỉ phán quyết phần thứ nhất và thứ hai tức tự hành còn phần thứ tư “ngoại hóa” bao gồm phương pháp lưu thông kinh mà không qua tự hành và giáo hóa bên ngoài. Sỡ dĩ có bốn hạnh này là vì tự hành và giáo hóa bên ngoài mỗi hạnh được phân làm hai. Tự hành có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất là phần thứ nhất chiếu rọi thấu suốt hai lý thật và giả đều là không. Đây là môn trí tuệ và phần thứ ba nói rõ lia tội lỗi thuộc môn đoạn nên tự hành cần nêu rõ hai nghĩa. Nghĩa thứ hai là trí tuệ dùng ngôn ngữ làm cảnh chiếu soi của trí tuệ. Vì vốn tự bản thân hành thiện chọn lấy sự xa lia tội lỗi tức có sự dừng lại tốt đẹp, có sự dừng lại để hành trì cho nên mới phân làm hai. “Ngoại hóa” sở dĩ phân làm hai phần là vì nếu nói đến từ bi tức bàn đến sự căn bản của nó còn nếu nói đến sự thuyết pháp tức bàn đến ngọn ngành của nó. Nếu giả sử chỉ có biết thuyết pháp mà không có từ bi thì tức là như lời nói vô ký. Nếu giả sử chỉ có từ bi mà không có thuyết pháp thì hành cho vui, cứu khổ không thể nào thành tựu cho nên “ngoại hóa” cũng phải được phân làm hai phần này. Nêu ra phán quyết địa vị của bốn hạnh này thì bắt đầu từ tứ niệm xứ và chưa đến “pháp thế đệ nhất”, Hỏi: Ý gì phán quyết chỉ ở vị trí này? Đáp: Nói bốn hạnh này căn bản và tiếp sức cho hàng Bồ-tát bên ngoài phạm phu không thể phạm lỗi lầm nặng vậy. “Nay nên an trụ vào bốn pháp “tức là tổng nêu ra số lượng. Từ “Một là an trụ” trở xuống tức nêu lên thể tướng của bốn hạnh an lạc và tạo thành bốn đoạn. Lại xét trong bốn hạnh này câu văn không giống nhau. Nhưng trong hai hạnh trước mỗi hạnh có ba đoạn giải thích; còn hai hạnh sau mỗi hạnh lại có đoạn văn. Nay nêu lên hạnh ban đầu gồm có ba đoạn: 1. Từ đây trở xuống hai mươi ba hàng kệ chính là nêu lên thể tướng của hạnh ban đầu; 2. “Nếu có vị Tỳ-kheo” trở xuống có bốn hàng kệ nêu lên tướng đạt được quả an lạc; 3. “Văn Thù Sư Lợi này, đó gọi là Bồ-tát” trở xuống có một hàng một câu tổng kết hạnh ban đầu này. Nay xét trong đoạn thứ nhất giải thích tướng thể của hạnh ban đầu tự có hai phần tức là Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng lại có hai đoạn: 1. Có một hàng nêu lên văn hứa khả trước hết căn cứ vào hạnh để tạo ra hai chương môn. Kế đến là nêu lên nghĩa “trong đời ác sau có thể lưu thông kinh này. “Văn Thù Sư Lợi, sao gọi

là Bồ-tát” trở xuống tức là giải thích “có khả năng lưu thông kinh”. Hai chương môn đó chính là thể của hạnh và phương tiện. “An trụ nơi hành xứ của Bồ-tát” tức là thể của hạnh. Hạnh này lấy pháp thật và giả danh vốn là “không” làm thể. Nay thật và giả đều không tạo nên cảnh của tâm sở duyên cho nên nói “hành xứ Thân cận xứ” tức là theo “Nhị không” mà hiểu đạo phương tiện. Kế đến “có thể vì chúng sanh mà nói kinh này” tức nói rõ hạnh của Bồ-tát sau khi Phật diệt độ ở trong đời ác mà lưu thông kinh này thì lúc ấy chủ yếu phải đem tâm an trú vào pháp không thuộc giả và thật và đạo phương tiện. “Oán, thân đều bình đẳng, thiện ác đều ngang nhau” tức có khả năng khiến cho thiên ma, ngoại đạo không thể gây tổn hại và xa lìa nguy khổ được an vui.

“Văn Thù Sư Lợi sao gọi là Bồ-tát” trở xuống tức là giải thích hai chương môn nói trên. Trước hết giải thích cả hai đều “không” để giải thích chương môn hành xứ và sau đó giải thích chương môn hai nơi cần gần gũi. Nay căn cứ trong việc giải thích hành xứ tự có ba đoạn: 1. Giải thích tổng quát; 2. Riêng biệt giải thích; 3. Tổng kết. Nay nói “sao gọi là hành xứ của Bồ-tát” trở xuống tức là giải thích tổng quát. Từ: Nếu Bồ-tát trở xuống là giải thích riêng. Trong đây tự có hai phần: Trước hết giải thích hành xứ giả danh không và sau giải thích hành xứ pháp “không”. Nay trong việc giải thích hành xứ giả danh “không” có hai loại. Thứ nhất giải thích rằng “nếu vị Bồ-tát trụ trong nhẫn nhục hòa dịu khéo thuận”... một câu này nói lên việc hiểu được giả danh “không”, cho nên miệng không có bốn thứ lỗi. “Mà không vụt chạc” tức câu thứ hai nêu lên việc hiểu được giả danh “không” cho nên thân không có ba nghiệp bất thiện. “Lòng cũng chẳng kinh sợ” tức là câu thứ ba nói lên việc hiểu được giả danh không cho nên ý không có ba nghiệp bất thiện. Ba câu này đều căn cứ ở dụng để nêu ra nêu ra tướng giả danh không. Nếu đem văn này mà kiểm định rõ thì giả tức không thật tự khó mà thấy được. Do vậy phải lấy hành xứ pháp không bên dưới làm chứng cứ mà biết rõ phần trước là giả danh “không”. Hành xứ pháp “không” ở dưới nói: “lại đối với pháp” nên biết đó là giả danh không”. Trong kệ tụng ở dưới rộng nêu ra pháp “không” và sau lại nói: “Cũng lại không gần gũi người nam người nữ” cho nên biết đó là giả danh “không”. Lại giải thích rằng ba câu này tức nêu ra hành xứ giả danh không. Đây tức căn cứ ở người biểu hiện tướng giả danh “không”. Câu đầu căn cứ vào “nếu có ngoại đạo đem lòng ác mà đến thì ta không nên khởi tâm ác”. Câu sau tức nêu ra “nếu khi gặp cảnh thiện thì ta không có khởi tâm kinh sợ”. Làm sao biết được? Vì khi nghe thánh nhơn nói pháp không vô

ngã thì tâm ta không kinh sợ. Câu ở giữa nói “và không vụt chạc” tức chính là nêu ra nội tâm của chúng ta. “Nếu không hiểu được giả danh không” thì không thể như đây. “Lại ở nơi pháp không có gì hiện hành” trở xuống ba câu nêu lên hành xứ pháp không. Câu này nêu lên việc hiểu pháp có trí mà không tạo ra cảnh chân thật của tâm hành. “Mà quán tướng như thật của các pháp” tức là nêu ra việc hiểu được trí pháp không. “Cũng không hành, cũng không phân biệt” tức nêu lên khi đạt được pháp không thì không có nghĩa phân biệt đây và kia. Xưa kia khi chưa đạt “pháp không” thì tạo ra ý tưởng nói “ta chỉ hành pháp kia mà không thể hành pháp này” nên có ý phân biệt đây và kia. Nhưng nay đã đạt pháp “không” cho nên biết được pháp chỉ có một tướng vô tướng không có tướng đây và kia sai khác. “Đây gọi là hành xứ của đại Bồ-tát” tức nêu lên sự tổng kết hai hành xứ.

Từ “Thế nào gọi là chỗ “thân cận” của Bồ-tát” trở xuống tức là giải thích hai chỗ thân cận. Trong đây có hai phần: 1. “Sao gọi là chỗ thân cận” tức nêu lên tiêu đề mục của chương môn; 2. Giải thích. Trong phần giải thích có hai mục: 1. Trước hết giải thích chỗ thân cận thuộc giả danh không; 2. Giải thích chỗ thân cận pháp không. Đây tức là hai thứ đạo phương tiện. Nay xét trong chỗ thân cận thuộc giả danh không tự có ba đoạn: 1. Trước hết nêu ra chỗ không thân cận; 2. Nêu ra chỗ thân cận; 3. Tổng kết. Nêu luận về thể của phương tiện thì bởi vì thật pháp vượt qua giả danh, nhưng chưa đạt được chơn quán nên từ trước đến nay chính là thể của phương tiện. Nay còn căn cứ ở ngoại duyên mà làm phương tiện cho nên như cách nói này.

Tự trụ trong chỗ không nên gần gũi tự có tám loại: 1. Trước hết nêu lên sự xa lìa duyên thế lực tức từ “vị đại Bồ-tát không nên gần gũi quốc vương” trở xuống; 2. Nêu lên việc xa lìa duyên tà kiến tức từ “chẳng gần gũi các ngoại đạo” trở xuống; 3. Nói lên xa lìa duyên ác nghiệp tức từ “cũng chẳng gần gũi” trở xuống; 4. Nêu lên xa lìa duyên hàng Tiểu thừa tức từ “lại chẳng gần gũi hạng người cầu quả Thanh-văn” trở xuống; 5. Nêu lên xa lìa duyên ái nhiễm tức từ “Văn Thù Sư Lợi” trở xuống; 6. Nêu lên xa lìa duyên hạng người không có ý chí tức từ “năm giống người bất nam” trở xuống; 7. Nêu lên xa lìa duyên quả trách tức từ “chẳng riêng mình vào nhà” trở xuống; 8. Nêu lên xa lìa duyên tán loạn tức từ “chẳng ưa nuôi người nhỏ tuổi” trở xuống. “Thường ưa ngồi thiền” trở xuống là phần thứ hai nêu ra chỗ nên thân cận. “Văn Thù” trở xuống là phần thứ ba “tổng kết”.

“Lại nữa trở xuống” là đoạn thứ hai nêu ra nơi thân cận thuộc

pháp không cũng có ba phần: 1. Nêu lên chỗ thân cận; 2. Nêu lên thể có khả năng thân cận; 3. Tổng kết chỗ thân cận” chỗ thân cận tức là cảnh của hai đế. Khả năng thân cận tức là trí năng quán. Cảnh thân cận có hai: 1. Nêu ra chơn đế; 2. Chỉ do nhân duyên mà có trở xuống tức nêu lên tục đế. Trong cảnh chơn đế này tự có ba phần: 1. “Quán sát tất cả pháp đều như không thật tướng” tức có một câu nêu lên lý chơn đế; 2. Từ “chẳng điên đảo” trở xuống gồm sáu câu nêu lên chỗ hành của tâm diệt mất; 3. “Tất cả lời nói đoạn dứt” trở xuống có mười một câu nêu ra lời nói tuyệt dứt. “Chỉ do nhân duyên mà có” trở xuống có hai câu là cảnh thứ hai nêu lên tục đế. Từ “thường ưa quán sát pháp tướng như thế” tức là phần thứ hai trong “pháp không” nêu ra trí năng quán. “Gọi là chỗ thân cận” tức là phần tổng kết thứ ba.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống là phần kệ tụng thứ hai. Tuy nhiên trong phần Văn Trường hàng ở trên vốn có hai đoạn: 1. Trước hết căn cứ vào hạnh để tạo ra hai chương môn và kế đến nêu lên khả năng ở trong đời ác sau lưu thông kinh này; 2. Giải thích chương môn mà không giải thích nghĩa “có khả năng lưu thông kinh. Nay trong hai mươi ba hàng kệ cũng được phân làm hai: Ban đầu có một hàng rưỡi kệ là phần thứ nhất nêu lên hạnh để tạo ra hai chương môn. “Thường xa rời quốc vương” trở xuống có hai mươi mốt hàng rưỡi kệ nêu ra phần thứ hai “giải thích”. Đoạn thứ nhất có hai phần trước hết tạo ra hai chương môn còn kế đến là nêu ra khả năng lưu thông kinh này. Nay đảo ngược nêu ra một hàng trước tiên nói đến phần thứ hai tức nêu ra khả năng lưu thông. Kế đến có nửa hàng nêu ra phần thứ nhất hai chương môn. “Trong phần giải thích thứ hai ở trên trước tiên nêu ra hành xứ và sau đó nêu lên thân cận xứ. Nay trong kệ này không căn cứ như ở trên nhưng phân làm ba đoạn: 1. Có mười ba hàng rưỡi kệ trước hết nêu ra chỗ thân cận thuộc giả danh không; 2. Có hai hàng rưỡi kệ nêu ra hai chỗ hành xứ; 3. Có năm hàng rưỡi kệ nêu ra chỗ thân cận thuộc pháp “không”. Ở trên giải thích hai chỗ thân cận vốn có hai phần: Ban đầu nêu ra đề tựa của chương môn và nay không tụng phần đó mà chỉ tụng phần giải thích thứ hai. Nhưng trong chỗ thân cận thuộc giả danh không vốn có ba phần: 1. Trước hết nêu ra chỗ không nên thân cận; 2. Nói lên chỗ thân cận; 3. Tổng kết. Tuy nhiên nay không tụng chỗ nên thân cận thứ hai. Trong mười ba hàng rưỡi kệ thì mười hai hàng rưỡi kệ đầu tụng phần thứ nhất tức chỗ không nên thân cận và có một hàng tụng phần tổng kết thứ ba. Nhưng vẫn nói chỗ không nên thân cận ở trên gồm có tám loại. Nay mười hai hàng rưỡi kệ này chỉ tụng chung mà không thể phân ra.

“Đây gọi tên là gồm một hàng tụng phần tổng kết”. Hỏi: Nếu luận về chỗ gôn gũ thì trong đây cơ sao căn cứ vào chỗ hành để tổng kết? Đáp “Ở đây nêu ra hành xứ và cận xứ là nói lên hành trước. Hai xứ này thì cận xứ là phần thứ hai còn hành trước là phần thứ nhất nên mới dẫn ra hai xứ “Lại cũng chẳng vịn theo” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ là đoạn thứ hai tụng về hai hành xứ ở trên. Trong đoạn ở trên vốn có ba phần: 1. Nêu ra chương môn; 2. Giải thích; 3. Tổng kết. Tuy nhiên nay không tụng phần thứ nhất mà chỉ tụng hai phần sau. Trong đó có hai hàng đầu tụng sự giải thích và nửa hàng kế tiếp tụng sự tổng kết. Nhưng trong văn trên trước hết nêu ra sự hiểu biết về hành xứ thuộc giả danh không và kế đó nêu ra hành xứ thuộc pháp “không”. Hai hàng này tức đảo ngược mà nêu lên. Một hàng đầu trước nêu lên hành xứ thuộc pháp không. Một hàng kế tiếp tức nêu ra hành xứ thuộc giả danh “không”. “Đây thời gọi tên là” gồm nửa hàng kệ nêu ra phần tổng kết thứ ba ở trên.

“Tất cả các loại pháp” trở xuống có năm hàng rưỡi kệ tụng phần thứ ba tức chỗ thân cận thuộc pháp “không” ở trên. Trong văn trên lại có ba phần: 1. Nêu ra chỗ thân cận; 2. Nêu ra khả năng thân cận; 3. Tổng kết. Nay năm hàng rưỡi kệ này được phân làm sáu đoạn: 1. Một hàng rưỡi kệ trước hết lược nêu ra phần thứ nhất ở trên tức chỗ nên thân cận; 2. “Chớ đảo điên phân biệt các pháp có hoặc không” trở xuống có một hàng nêu lên sự việc thật và chẳng phải thật nhưng trong văn tường hàng trên không có phần này. Điều này muốn nói lên người ấy không có khả năng tạo ra quán thân cận thuộc pháp không; 3. “Ở an nơi vắng vẻ” trở xuống có nửa hàng chính nêu ra phần thứ hai ở trên tức khả năng thân cận tương ứng với văn trên nói “thường ưa quán sát pháp tướng như thế”; 4. “An trụ chẳng lay động” trở xuống có nửa hàng rộng nêu lên chỗ thân cận; 5. “Quán sát tất cả pháp, thấy đều không thật có” trở xuống có một hàng ba câu đảo ngược nêu lên hành xứ thuộc pháp không ở trên; 6. Có một câu nêu lên phần thứ ba ở trên tức chỗ thân cận thuộc pháp không để tổng kết. “Nếu có vị Tỳ-kheo “tức chỉ cho trong sự hiểu biết về hạnh ban đầu gồm có ba đoạn.

Từ đây trở xuống có bốn hàng rưỡi kệ là phần thứ hai nêu ra tướng được quả an lạc. Xét trong đây tự có hai phần: 1. Có một hàng rưỡi kệ tụng về xa lìa cái khổ nguy; 2. Vị Bồ-tát có lúc vào nơi nhà tịnh thất” trở xuống có ba hàng nói lên sự được quả an lạc “Văn thù Sư Lợi này đó gọi là Bồ-tát” trở xuống có một hàng một câu là phần thứ ba tức tổng kết hạnh ban đầu.

Hạnh an lạc chính dùng nói pháp làm thể. Nhưng nói pháp chính



là khẩu nghiệp và nay lấy việc động khẩu thuộc thiện tâm làm thể của hạnh này. Trước đã giải thích trong hai hạnh ban đầu mỗi hạnh được phân làm hai đoạn nay trong hạnh thứ hai có ba đoạn: 1. Trước hết tổng quát khuyến khích người tu hạnh an lạc này; 2. “Hoặc dùng miệng tuyên nói” trở xuống có mười một hàng rưỡi kệ chính nêu lên thể tướng của hạnh; 3. “Sau khi ta diệt độ” trở xuống có năm hàng kệ nêu lên tướng được quả an lạc. “Lại Văn Thù Sư Lợi, sau khi đức Như lai diệt độ” trở xuống là tổng nêu lên sự khuyến khích người ở trong đời mạt pháp muốn lưu thông kinh thì phải trụ trong hạnh an lạc.

“Nếu dùng miệng tuyên nói” trở xuống đến mười một hàng rưỡi tức là đoạn thứ hai giải thích thể của hạnh này. Trong đoạn thứ hai này tự có hai phần tức là Văn Trường hàng và kệ tụng. Nay xét trong Văn Trường hàng vốn có hai phần muốn nói lên thể của hạnh này: 1. Trước hết nêu ra việc xa lìa điều ác; 2. “Những người nghe pháp” trở xuống chính là nêu ra thể tướng của hạnh này. Hỏi: Nhưng hạnh thứ ba ở dưới cũng nêu ra sự xa lìa điều ác, vậy trong đây cũng nêu ra sự xa lìa điều ác thì cùng với văn dưới có gì khác biệt? Đáp: Điều này có ba ý: 1. Trong đây sở dĩ nói lên sự xa lìa điều ác là vì hễ thuyết pháp ắt phải thanh tịnh mà giáo hóa chúng sanh, thà mất mạng cũng vẫn độ người. Do đó nêu ra sự thuyết pháp thanh tịnh tức trước hết phải xa lìa các tội ác; 2. Trong đây trước hết nêu ra việc xa lìa điều ác và sau nêu lên sự thuyết pháp tương ứng với cách nói ở dưới tức “phát khởi hạnh ban đầu” nhằm nói rõ sự xa lìa điều ác; 3. Nói trong kệ dưới tức trước nêu ra sự thuyết pháp và sau nêu ra sự xa lìa điều ác cho nên mới biết rõ ở đây lấy sự thuyết pháp làm thể. Nay căn cứ trong việc nêu lên sự xa lìa điều ác có ba đoạn:

“Hoặc miệng tuyên nói” trở xuống có hai câu nói về thời tiết thuyết pháp. “Không ưa nói lỗi người” trở xuống chính là nêu lên sự xa lìa điều ác. “Khéo tu lòng an lạc như thế” có một câu dùng để tổng kết câu. Lại trong việc xa lìa điều ác gồm có sáu loại: 1. không ưa nói người” tức là nêu ra việc không nên nói lỗi người; 2. “Và của kinh điển” tức là không suy xét kỹ ngôn từ văn cú của kinh; 3. chẳng khinh mạn pháp sự khác” tức là nêu lên việc chẳng phải thông kinh tức từ “cũng chẳng khinh mạn” trở xuống; 4. Từ “chẳng nói việc hay dở tốt xấu của người”.

Hỏi: có thể không nói sở đoản của người khác, cơ gì lại nói không nói lên sở trường của người khác?

Đáp: Trong đây đưa ra sở trường tức vốn muốn hiển bày sở đoản;



---

5. Từ “ở nơi hàng Thanh-văn” trở xuống tức nêu lên sự việc không nên nói ra lỗi quấy của hàng Tiểu thừa. Trong đây chỉ nêu ra việc không xưng danh của Tiểu thừa. Nếu có người ưa pháp Tiểu thừa thì cũng có thể tạm xưng là có danh mà thôi; 6. Nói “cũng không sanh tâm oán ghét” “Những người nghe pháp” trở xuống tức nêu lên phần thứ hai “thể tướng của hạnh này”. Trong đây tự có hai phần: 1. Nêu ra sự im lặng thì người đến nghe sẽ không trái ý họ; 2. Từ “có chỗ gạn hỏi” trở xuống tức nêu ra nếu có gạn hỏi thì không nên trái ý họ.

“Mà nói kệ rằng: trở xuống là phần kệ tụng thứ hai gồm có mười một hàng rưỡi kệ và nay phân định làm hai đoạn. Ban đầu có sáu hàng rưỡi kệ trước hết tụng phần thứ hai trong Văn Trường hàng ở trên tức nói rõ “thể của hạnh. “Kế đến có năm hàng tụng ngược lên phần thứ nhất “xa lìa điều ác”. Nhưng phần thứ hai trong Văn Trường hàng ở trên vốn có hai đoạn: ban đầu nêu lên sự im lặng lắng nghe và sau nêu ra vấn nạn. Nay sáu hàng rưỡi kệ này được phân làm ba đoạn 1. Có hai hàng rưỡi kệ trước hết nói phương cách thuyết pháp nhưng Văn Trường hàng ở trên không có nêu ra; 2. “Nếu có vị Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo ni” trở xuống có hai hàng tụng đoạn thứ nhất ở trên tức “im lặng và người đến lắng nghe”; 3. “Nếu có người gạn hỏi” trở xuống có hai hàng tụng đoạn thứ hai ở trên “nếu có người gạn hỏi... dứt trừ ý biếng trễ. “Từ đây trở xuống có năm hàng tụng phần thứ nhất “xa lìa điều ác”. Nhưng trong phần này ở trên vốn có ba đoạn: Nay năm hàng này không tụng đoạn thứ nhất và thứ ba mà chỉ tụng đoạn thứ hai. Trong đoạn thứ hai ở trên vốn có sáu thứ nhưng nay chỉ phân làm hai: ban đầu có hai hàng rưỡi kệ trước hết tụng về việc xa lìa cái ác của lòng biếng nhác. Kế đến “y phục cùng đồ nằm” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ tụng về sự xa lìa cái ác của tham dục và mong cầu. “Sau khi ta diệt độ” trở xuống có năm hàng là đoạn thứ ba nêu ra tướng đặc quả an lạc. Đoạn này tự có hai phần: 1. Có ba hàng đầu tụng nghĩa xa lìa khổ nguy; 2. “Người trí nên như vậy” trở xuống có hai hàng tụng về tướng an lạc đã được.

